

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984; Địa chỉ nơi cư trú: ấp TN, xã TCC, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1989; Địa chỉ nơi cư trú: ấp LT, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh và chị Bùi Thị Tuyết M cưới nhau vào năm

2009, hôn nhân do cha mẹ quyết định nhưng anh, chị vẫn đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TCC, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con được vài tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong tình cảm và trong sinh hoạt gia đình nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung thì anh chị không có gặp nhau để hàn gắn. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Tuyết M vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/6/2010, hiện cháu đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Tuyết M cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh và chị Bùi Thị Tuyết M chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị Bùi Thị Tuyết M chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 24/8/2020, chị Bùi Thị Tuyết M trình bày: Vào năm 2009, chị và anh H cưới nhau, có đăng ký kết hôn, hôn nhân mai mối, sống hạnh phúc đến sinh đứa con được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn gia đình, về nhà cha mẹ sống ly thân cho tới nay, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H; con chung chị đồng ý cho anh H tiếp tục nuôi chị không cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 29/7/2020, cháu Nguyễn Thanh P trình bày: “Ba với mẹ ly hôn nguyện vọng ở với ba”.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Bùi Thị Tuyết M; về con chung: giao con chung Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/6/2010 cho anh Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị Tuyết M không phải cấp dưỡng do anh Thanh H không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Bị đơn chị Bùi Thị Tuyết M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị Tuyết M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Bùi Thị Tuyết M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh Thanh H đối với chị Tuyết M, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa anh Thanh H với chị Tuyết M là có thật và anh chị đều thừa nhận có mâu thuẫn trong gia đình, nay anh Thanh H yêu cầu ly hôn và chị Tuyết M cũng đồng ý ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh Thanh H và chị Tuyết M hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Thanh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh H ly hôn với chị Bùi Thị Tuyết M.

[4] Về việc nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, anh Thanh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/6/2010, anh không yêu cầu chị Tuyết M cấp dưỡng nuôi con và chị Tuyết M cũng thống nhất theo yêu cầu của anh Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thanh P từ khi sinh ra cho đến khi vợ chồng không còn sống chung và hiện nay đều do anh Thanh H chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định việc sinh hoạt của cháu cũng như nguyện vọng của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Thanh H, chị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh

Thanh H không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Nguyễn Thanh H và chị Bùi Thị Tuyết M trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H, cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Bùi Thị Tuyết M.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Anh Nguyễn Thanh H được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/6/2010.

2.2. Chị Bùi Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001351 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Lương Bằng